**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HÓA 9**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiến thức** | **Mức độ** | **Tổng**  |
| **Nhận biết****(50%)** | **Thông hiểu****(25%)** | **Vận dụng****( 15%)** | **Vận dụng cao****(10%)** |
| **Hợp chất vô cơ** | **Số câu** | 10 | 5 | 3 | 3 | 21 |
| **Số điểm**  | 2,5 | 1,25 | 0,75 | 0,75 | 5,25 |
| **Tỉ lệ** | 25% | 12,5% | 7,5% | 7,5% | 52,5% |
| **Hợp chất hữu cơ** | **Số câu** | 10 | 5 | 3 | 1 | 19 |
| **Số điểm** | 2,5 | 1,25 | 0,75 | 0,25 | 4,75 |
| **Tỉ lệ** | 25% | 12,5% | 7,5% | 2,5% | 47,5% |
| **Tổng** | 20 câu5đ50% | 10 câu2,5đ25% | 6 câu1,5đ15% |  4 câu 1đ (10%) | 40 câu 10đ(100)% |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD VÀ ĐT HUYỆN GIA LÂM****TRƯỜNG THCS PHÚ THỊ** | **ĐỀ KIỂM TRA HÓA HỌC 9****Năm học: 2019 -2020** |
|  | **Thời gian: 60 phút** |
| **Đề số 1** |  |

**Câu 1:** Oxit axit là

A. những oxit tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước.

B. những oxit tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước.

C. những oxit không tác dụng với dung dịch bazơ và dung dịch axit.

D. những oxit chỉ tác dụng được với muối.

**Câu 2:** Dãy chất gồm toàn oxit ?

 A. CaO, HCl, SO2, MgO B. CaO, SO2, MgO, P2O5

 C. SO2, Ca(OH)2, P2O5, NaCl D.CaO, NaCl, NaOH , SO2

**Câu 3:** Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

A. CO2 B. Na2O C. SO2,                        D. P2O5

**Câu 4:** Dãy chất gồm toàn bazơ là:

 A. NaOH, HCl, Ca(OH)2 C. HCl, H2SO4, Ca(OH)2

 B. NaCl, NaOH, NaNO3 D. NaOH, Ca(OH)2, KOH

**Câu 5:** Công thức hóa học của axit sunfuric là:

A. H2SO4. B. H2S. C. H2SO3 D. HNO3

**Câu 6:** Sắt (III) clorua có công thức hóa học là:

A. FeCl2 B. FeCl C. FeCl3 D. Fe3Cl

**Câu 7:** Giấm ăn là dung dịch axit axetic có nồng độ

A. 25% B. 20% C. 2% - 5% D. 0,2% -0,5%

**Câu 8.** Muối nào sau đây **không** bị nhiệt phân hủy:

A. CaCO3. B. Na2CO3. C. KNO3 D. MgCO3

**Câu 9.** Dung dịch nào sau đây phản ứng với kim loại sắt:

A. Cu(NO3)2 B. H2SO4 đặc, nguội

1. MgCl2 D. FeSO4

**Câu 10.** Axetilen có công thức cấu tạo là:

A. CHBr = CHBr. B. CH2 = CH2.

C. CH = CH. D. CH-CH3.

**Câu 11.** Cho các nguyên tố thuộc nhóm VII: clo, iot, flo, brom. Nguyên tố có tính phi

kim mạnh nhất là

A. clo. B. flo. C. brom. D. iot.

**Câu 12:** Cho các chất sau: CH4, CH3Cl, CO2, CH3COOH, C2H5ONa, C6H6, BaCO3, C2H4, C2H6. Trong dãy đó có bao nhiêu hiđrocacbon:

1. 2 B. 3 C. 4 D.5

**Câu 13** Các dạng thù hình của cacbon là

**A.** than chì, cacbon vô định hình, vôi sống.

**B.** than chì, kim cương, canxi cacbonat.

**C.** cacbon vô định hình, kim cương, canxi cacbonat.

**D.** kim cương, than chì, cacbon vô định hình.

**Câu 14.** Loại than nào sau đây có tính chất hấp phụ cao, được dùng để chế tạo mặt nạ phòng độc ?

A. Than cốc. B. Than chì. C. Than hoạt tính. D. Than mỡ.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây **sai ?**

1. Kim loại Ag có phản ứng với dung dịch H2SO4 loãng.
2. Kim loại Al không phản ứng với dung dịch NaCl.

C. Kim loại Na phản ứng mạnh với H2O.

1. Kim loại Cu không tan trong nước ở nhiệt độ thường.

**Câu 16.** Chất nào sau đây **không** tham gia phản ứng thủy phân ?

A. Protein B. Glucozo C. Chất béo D. Tinh bột

**Câu 17.** Chất nào sau đây **không** phải là hợp chất hữu cơ ?

A. CH4 B. CaCO3 C. CH3COOH D. C2H5OH

**Câu 18.** Ở điều kiện thường, chất nào sau đầy **không** tan trong nước ?

A. Axit axetic B. Rượu etylic C. Benzen D. Glucozo

**Câu 19.** Chất nào sau đây làm mất màu dung dịch nước brom ?

A.C2H4 B. C6H6 (benzen) C. CH4 D. C2H5OH

**Câu 20.** Axit axetic và rượu etylic đều phản ứng với

A. dung dịch NaOH B. dung dịch Br2

C. dung dịch HC1 D. kim loại Na

**Câu 21.** Chất nào sau đây phản ứng với dung dịch HCl ?

A. Mg(OH)2 B. AgCl C. BaSO4 D. Cu

**Câu 22.** Hỗn hợp khí X gồm: O2, Cl2, CO2, SO2. Dẫn từ từ X vào bình đựng dung dịch Ca(OH)2 dư. Chất khí thoát ra khỏi dung dịch là

A. Cl2 B. CO2 C. SO2 D. O2

**Câu 23.** Phản ứng nào sau đây thuộc loại phản ứng cộng ?

A. CH4 + Cl2 $\rightarrow $ CH3Cl + HCl B. C6H6 + Br2 $\rightarrow $ C6H5Br + HBr.

C. 2C2H2 + O2 $\rightarrow $ 4CO2 + 2H2O D. CH2 = CH2 + Br2 $\rightarrow $ CH2Br - CH2Br

**Câu 24.** Chất nào sau đây tác dụng với nước ở điều kiện thường tạo ra dung dịch bazơ tương ứng ?

A. CO2 B. CaO C. CuO D. P2O5.

**Câu 25.** Benzen **không** tác dụng được với chất nào sau đây

A. Khí H2 (xúc tác Ni, đun nóng). B. Khí Cl2 (có mặt bột Fe, đun nóng).

 C. Dung dịch Br2 D. Khí O2 (đun nóng).

**Câu 26:** Hoà tan hết 12g một kim loại ( hoá trị II) bằng dung dịch H2SO4 loãng thu được 6,72 lít khí H2 (đktc). Kim loại này là:

A. Zn B. Fe C. Ca D. Mg

**Câu 27.** Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế khí Y từ chất rắn X:



Công thức hoá học của Y là

A. HC1. B. Cl2 C. O2. D. SO2

**Câu 28.** Nhỏ vài giọt dung dịch AgNO3 vào ống nghiệm đựng dung dịch NH3, lắc nhẹ. Thêm tiếp dung dịch X (chứa một chất tan) vào ống nghiệm rồi đặt vào cốc nước nóng. Sau một thời gian, có chất màu sáng bạc bám lên thành ống nghiệm. Dung dịch X chứa chất tan nào sau đây ?

A. Rượu etylic. B. Axit axetic C. Saccarozơ D. Glucozơ.

**Câu 29.**  Khí X có tỉ khối so với H2 là 14. Khí X là:

A. CH4 B. C2H4 C. C2H6 D. C2H2

**Câu 30.** Nhỏ vài giọt dung dịch iot vào ống nghiệm đựng hồ tinh bột ở nhiệt độ thường, sẽ

thấy xuất hiện

A. màu hồng. B. màu xanh. c. màu đỏ. D. màu vàng.

**Câu 31.** Cho metan tác dụng với khí clo theo tỉ lệ mol là 1 : 1, có ánh sáng, thu được sản phẩm hữu cơ là

A. CH3Cl B. CH2Cl2 C. CHCl3 D. CC14

**Câu 32.** Cho Na2O vào dung dịch muối X, thu được kết tủa màu trắng. Muối X là chất nào

sau đây?

 A.NaCl B.FeCl3 c. CuCl2. D. MgCl2

**Câu 33.** Đốt cháy hoàn toàn 4,48 lít khí axetilen thì thu được bao nhiêu lít khí CO2. Thể tích các khí đo ở đktc

A. 4,48 lít B. 8,96 lít C. 2,24 lít D. 13,44 lít

**Câu 34.** Cho 0,56 lít (đktc) hỗn hợp khí X gồm C2H4 và C2H2 tác dụng với dung dịch nước brom dư, khối lượng brom đã tham gia phản ứng là 6,08 gam. Thành phần phần trăm theo thể tích của C2H4 có trong X là

A. 48%. B. 52%. c. 40%. D. 60%.

**Câu 35.** Cho 500 ml dung dịch NaOH 1M tác dụng vừa đủ với V ml dung dịch H2SO4 2M thu được dung dịch chỉ có muối trung hòa. Giá trị của V là

A. 250 B. 400. c. 500. D. 125.

**Câu 36.** Hấp thụ hoàn toàn V lít khí etilen (đktc) đi qua bình đựng dung dịch nước Brom thấy có 24 gam Brom tham gia phản ứng. Giá trị của V là:

A. 3,36 lít B. 6,72 lít C. 1,68 lít D. 13,44 lít

**Câu 37.** Cho 23 gam rượu etylic tác dụng với axit axetic (xúc tác H2SO4 đặc, đun nóng, hiệu suất phản ứng este hóa đạt 60%). Khối lượng etyl axetat (tính theo lượng rượu etylic) thu được là

A. 26,4 gam B. 30,8 gam. C. 44,0 gam. D. 32,1 gam.

**Câu 38.** Cho 2,06 gam hỗn họp X gồm MgO và MgCO3 tác dụng với dung dịch HC1 dư, thu được 336 ml (đktc) khí CO2 Thành phần phần trăm theo khối lượng của MgO và MgCO3 trong X lần lượt là:

A. 38,83% và 61,17%. B. 29,13% và 70,87%.

C. 70,8% và 29,13%. ' D. 61,17% và 38,83%.

**Câu 39.** Hấp thụ hết V lít (đktc) khí CO2 vào dung dịch chứa 0,1 mol Ca(OH)2, thu được 5 gam kết tủa. Giá trị của V là

A. 2,24 B. 1,68. C. 1,12 hoặc 2,24. D. 1,12 hoặc 3,36.

**Câu 40:** Cho một lá đồng (dư) vào 100 ml dung dịch AgNO3 nồng độ X mol/1. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng lá đồng tăng thêm 1,52 gam so với ban đầu. Giả thiết toàn bộ lượng Ag tạo ra bám hết vào lá đồng. Giá trị của X là

A**.** 0,2. B. 0,3. C. 0,4. D. 0,5.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD VÀ ĐT HUYỆN GIA LÂM****TRƯỜNG THCS PHÚ THỊ** | **ĐỀ KIỂM TRA HÓA HỌC 9****Năm học: 2019 -2020** |
|  | **Thời gian: 60 phút** |
| **Đề số 2** |  |

**Câu 1:** Oxit bazơ là:

A. Những oxit tác dụng với dung dịch axit tạo thành muối và nước.

1. Những oxit tác dụng với dung dịch bazơ tạo thành muối và nước.
2. Những oxit không tác dụng với dung dịch bazơ và dung dịch axit.
3. Những oxit chỉ tác dụng được với muối.

**Câu 2:** Dãy chất gồm các oxit bazơ:

 A. CuO, SO2, MgO, CaO B. CuO, CaO, MgO, Na2O

 C. CaO, CO2, K2O, Na2O D. K2O, FeO, P2O5, CO

**Câu 3:** Oxit  được dùng làm chất hút ẩm (chất làm khô) trong phòng thí nghiệm là:

A. CuO B. ZnO                        C. PbO                       D. CaO

**Câu 4:** Công thức phân tử của axetilen là

A. CH4  B. C2H2 C. C2H4 D. C6H6

**Câu 5:** Cặp chất  tác dụng với nhau sẽ tạo ra khí lưu huỳnh đioxit là:

1. CaCO3và HCl B. Na2SO3 và H2SO4

       C. CuCl2 và KOH            D. K2CO3 và HNO3

**Câu 6:** Dãy chất nào sau đây làm mất màu dung dịch Brom

A. CH4, C2H6 B. C2H4, C2H6

C. CH4, C2H4 D. C2H4, C2H2

**Câu 7:** Dãy chất gồm toàn axit là :

 A. CaCO3, HCl, NaOH B. NaOH, KOH, NaCl

 C. HCl, H2SO4, HNO3 D. NaOH, HNO3, H2SO4

**Câu 8:** Cho các chất sau: CH4, CH3Cl, CO2, CH3COOH, C2H5ONa, C6H6, BaCO3,C2H4, C2H6. Trong dãy đó có bao nhiêu dẫn xuất của hiđrocacbon:

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 9:** Trên nhãn của chai rượu có ghi 46o, ý nghĩa là:

1. Trong 100 ml dung dịch rượu 46o có 46 ml rượu nguyên chất và 54 ml H2O.
2. Trong 100 ml dung dich rượu 46o có 54 ml rượu nguyên chất và 46 ml H2O.
3. Trong 1 lít dung dịch rượu có 46 ml rượu nguyên chất và 54 ml H2O
4. Rượu này phải bảo quản ở 46o

**Câu 10:** Để phân biệt Al, Fe ta dùng chất nào sau đây ?

 A. H2O B. NaOH C. HCl D. H2SO4

**Câu 11:** Dãy các kim loại nào sau đây được sắp xếp đúng theo chiều hoạt động hóa học giảm dần

A. K, Mg, Cu, Al, Zn, Fe B. K, Mg, Al, Zn, Fe, Cu

C. Al, Zn, Fe, Ni, Cu, Ag D. Al, Zn, Fe, Ni, Ag, Cu

**Câu 12:** Clo là chất khí có màu

A. nâu đỏ. B. vàng lục. C. lục nhạt. D. trắng xanh.

**Câu 13:** Quá trình nào sau đây làm giảm CO2 trong khí quyển ?

A. Sự hô hấp của động vật và con người. B. Cây xanh quang hợp.

C. Đốt than và khí đốt. D. Quá trình nung vôi.

**Câu 14:** Khí CO dùng làm chất đốt trong công nghiệp có lẫn tạp chất là CO2 và SO2. Có thể làm sạch CO bằng

A. dung dịch Ca(OH)2 B. H2SO4 đặc.

C. dung dịch BaCl2. D. CuSO4 khan.

**Câu 15:** Thành phần chính của xi măng là

A. canxi silicat và natri silicat. B. nhôm silicat và kali silicat.

C. nhôm silicat và canxi silicat. D. canxi silicat và canxi aluminat.

**Câu 16:** Hàm lượng của cacbon trong thép thường là:

1. Dưới 2% C. Trên 2%
2. Từ 2-5% D. Trên 5%

**Câu 17:** Khí X có tỉ khối so với H2 là 13. Khí X là:

A. CH4  B. C2H2 C. C2H4 D. C6H6

**Câu 18:** Trong số các phương trình hoá học sau, phương trình nào được viết đúng:

A. CH4 + Cl2  C2H6 + HCl

B. CH4 + Cl2  CH3 + HCl

C. CH4 + Cl2  CH3Cl + HCl

D. CH4 + Cl2  CH3Cl + H2

**Câu 19:** Dãy chất nào sau đây **không** làm mất màu dung dịch Brom:

A. CH4, C2H6 B. C2H4, C2H6

C. CH4, C2H4 D. C2H4, C2H2

**Câu 20:** Trước những năm 50 của thế kỉ XX, công nghiệp tổng hợp hữu cơ dựa trên nguyên liệu chính là axetilen. Ngày nay, nhờ sự phát triển vượt bậc của công nghệ khai thác và chế biến dầu mỏ, etilen trở thành nguyên liệu rẻ tiền, tiện lợi hơn nhiều so với axetilen. Công thức phân tử của etilen là

A. CH4  B. C2H2 C. C2H4 D. C6H6

**Câu 21:** Cho 1 viên Natri vào dung dịch FeCl3 , hiện tượng xảy ra:

A. viên Natri tan, có khí không màu thoát ra, xuất hiện kết tủa màu xanh lam

B. viên Natri tan dần, không có khí thoát ra, có kết tủa màu xanh lam

C. viên Natri tan, có khí không màu thoát ra, xuất hiện kết tủa màu nâu đỏ

D**.** viên Natri tan dần, không có khí thoát ra, có kết tủa màu nâu đỏ

**Câu 22:** Phương trình hóa học điều chế nước javen là

A. Cl2 + NaOH  NaCl + HClO B. Cl2 + NaOH NaClO + HCl

C. Cl2 + H2O HCl + HClO D. Cl2 + 2NaOH  NaCl + NaClO + H2O

**Câu 23:** Dung dịch nào sau đây làm quỳ tím chuyển màu đỏ

 A. Benzen B. Rượu etylic C. Axit axetic D. Natri clorua

**Câu 24:** Muối nào sau đây không bị nhiệt phân hủy ?

A. KClO3 B. KNO3 C. Na2CO3 D. CaCO3

**Câu 25:** Hình vẽ sau mô tả thí nghiệm điều chế khí clo trong phòng thí nghiệm:



Để tránh khí clo bay ra ngoài gây độc thì người ta tẩm vào miếng bông chất nào:

1. H2O B. NaOH C. NaCl D. H2SO4

**Câu 26:** Để phân biệt dung dịch axit axetic và rượu etylic ta dùng chất nào:

1. Nước B. Na C. Quỳ tím D. Dung dịch phenolphtalein

**Câu 27:** Chất phản ứng được với rượu etylic là:

 A. Na B. CuO C. NaOH D. CaCO3

**Câu 28:** Dung dịch KOH **không có** tính chất hoá học nào sau đây?

A. L àm quỳ tím hoá xanh

B. Tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước

C. Tác dụng với axit tạo thành muối và nước

D. Bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxit bazơ và nước

**Câu 29.** Etilen có công thức cấu tạo là:

A. CHBr = CHBr. B. CH2 = CH2.

C. CH = CH. D. CH3-CH3.

**Câu 30:** Dẫn hỗn hợp khí gồm CO2, CO, SO2 đi qua dung dịch nước vôi trong (dư), khí thoát ra là :

A. CO B. CO2 C. SO2 D. CO2 và SO2

**Câu 31:** Cho 8,96 lít hỗn hợp khí gồm (CH4, C2H4) vào dung dịch brom dư. Lượng brom tham gia phản ứng là 16 gam. ( các khí đo ở đktc). Thể tích khí CH4, C2H4 lần lượt là:

 A. 4,48 lít và 4,48 lít B. 2,24 lít và 6,72 lít

 C. 6,72 lít và 2,24 lít D. 7,84 lít và 1,12 lít

**Câu 32:** Hòa tan hết 5,6 gam CaO vào dung dịch HCl 14,6% . Khối lượng dung dịch HCl đã dùng là :

A. 50 gam B. 40 gam                      C. 60 gam                  D. 73 gam

**Câu 33:** Hoà tan 2,4 g một oxit kim loại hoá trị II cần dùng 30g dd HCl 7,3%. Công thức của oxit kim loại là:

A. CaO. B. CuO. C. FeO.                       D. ZnO.

**Câu 34.** Đốt cháy hoàn toàn 5 gam chất hữu cơ X (chứa C, H, O), dẫn sản phẩm cháy qua bình đựng H2SO4 đặc, dư, khối lượng bình tăng thêm 5,4 gam. Thành phần phần trăm khôi lượng của hiđro trong X là

A. 8%. B. 10%. C. 11%. D. 12%.

**Câu 35:** Hàng năm trên thế giới cần tiêu thụ khoảng 45 triệu tấn khí clo. Nếu dùng NaCl để điều chế clo thì khối lượng NaCl cần dùng là (hiệu suất 100%)

A. 70,15 triệu tấn. B. 74,15 triệu tấn. C. 75,15 triệu tấn. D. 80,15 triệu tấn.

**Câu 36:** Hấp thụ hoàn toàn V lít khí etilen (đktc) đi qua bình đựng dung dịch nước Brom thấy có 24 gam Brom tham gia phản ứng. Giá trị của V là:

A. 3,36 lít B. 6,72 lít C. 1,68 lít D. 13,44 lít

**Câu 37:** Người ta cần dùng 7,84 lít CO (đktc) để khử hoàn toàn 20 gam hỗn hợp CuO và Fe2O3 ở nhiệt độ cao. Phần trăm khối lượng mỗi chất trong hỗn hợp ban đầu là

A. 50% và 50%. B. 20% và 80%. C. 57% và 43%. D. 65% và 35%.

**Câu 38:** Cho 0,56 lít (đktc) hỗn hợp khí metan và axetilen tác dụng với dung dịch brom dư, lượng brom đã tham gia phản ứng là 5,6 gam. Thành phần phần trăm về thể tích của mỗi khí trong hỗn hợp ban đầu lần lượt là:

A. 20%; 80%. B. 30%; 70%.

C. 40%, 60%. D. 60%; 40%.

**Câu 39.** Hấp thụ hết V lít (đktc) khí CO2 vào dung dịch chứa 0,2 mol Ca(OH)2, thu được 10 gam kết tủa. Giá trị của V là:

A. 2,24 B. 4,48 C. 2,24 hoặc 6,72 D. 2,24 hoặc 4,48

**Câu 40:** Cho một lá đồng (dư) vào 100 ml dung dịch AgNO3 nồng độ X mol/1. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng lá đồng tăng thêm 3,04 gam so với ban đầu. Giả thiết toàn bộ lượng Ag tạo ra bám hết vào lá đồng. Giá trị của X là

1. 0,2 B. 0,3 C. 0,4 D. 0,5

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU**  | **ĐỀ 1** | **ĐỀ 2** |
| **Mỗi câu chọn đúng 0,25 điểm** |
| 1 | B | A |
| 2 | B | B |
| 3 | B | D |
| 4 | D | B |
| 5 | A | B |
| 6 | C | D |
| 7 | C | C |
| 8 | B | B |
| 9 | A | A |
| 10 | B | B |
| 11 | B | B |
| 12 | C | B |
| 13 | D | B |
| 14 | C | A |
| 15 | A | D |
| 16 | B | A |
| 17 | B | B |
| 18 | C | C |
| 19 | A | A |
| 20 | D | C |
| 21 | A | C |
| 22 | D | D |
| 23 | D | C |
| 24 | B | C |
| 25 | C | B |
| 26 | C | C |
| 27 | C | A |
| 28 | D | D |
| 29 | B | B |
| 30 | B | A |
| 31 | A | C |
| 32 | D | A |
| 33 | B | B |
| 34 | A | D |
| 35 | D | B |
| 36 | A | B |
| 37 | A | B |
| 38 | A | B |
| 39 | D | C |
| 40 | A | C |